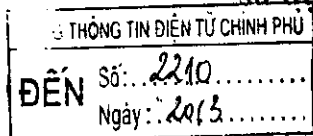


QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân tự cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tiền sử dụng đất của từng lần phát sinh khi nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sang đất ở trên địa bàn tỉnh Bến Tre.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục thuế tại Tờ trình số 57/TTr-CT ngày 05 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân tự cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tiền sử dụng đất của từng lần phát sinh khi nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sang đất ở trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giao Cục thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Cục trưởng Cục thuế; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các xã, phường, thị trấn và hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (báo cáo);
- Tổng cục thuế; (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản – BTP (để kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh;
- TT. TU, TT.HĐND tỉnh (báo cáo) ;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Bến Tre;
- CT, các PCT UBND tỉnh (chỉ đạo);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Đồng Khởi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố (thực hiện);
- Phòng N/c, TH: , TCĐT;
- Trung tâm Công báo tỉnh ;
- Phòng Tiếp dân (để niêm yết);
- Lưu: VT .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Cao Văn Trọng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT KÊ KHAI LỰA CHỌN THỪA ĐẤT Ở TRONG HẠN MỨC

1. Họ và tên: (người sử dụng đất):

-
- Mã số thuế (nếu có):
- Số CMND:.....Ngày cấp: Nơi cấp:.....
- Hộ khẩu thường trú:

Tôi tự cam kết kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai
nộp tiền sử dụng đất của từng lần phát sinh khi làm thủ tục xin cấp Giấy
CNQSDĐ, chuyển mục đích sử dụng đất lần thứ.....trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**2. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở
(nếu có):**

2.1. Thửa đất thứ 1:

- Địa chỉ thửa đất:.....
.....
- Giấy CNQSDĐ:.....do UBND.....cấp ngày.....tháng.....năm....
- Thửa đất số:.....Tờ bản đồ.....Diện tích.....m²
- Mục đích sử dụng:.....

2.2. Thửa đất thứ 2:

- Địa chỉ thửa đất:.....
.....
- Thửa đất số :.....Tờ bản đồ.....Diện tích.....m²
- Mục đích sử dụng :.....

2.3. Thửa đất thứ 3 :

- Địa chỉ thửa đất :.....
.....
- Thửa đất số :.....Tờ bản đồ.....Diện tích.....m²
- Mục đích sử dụng :.....

**3. Thửa đất đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
ở, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở:**

3.1. Thửa đất thứ 1:

- Địa chỉ thửa đất:.....
.....

- Giấy CNQSDĐ:.....do UBND.....cấp ngày.....tháng.....năm....
- Thửa đất số:.....Tờ bản đồ.....Diện tích.....m²
- Mục đích sử dụng:.....

3.2. Thửa đất thứ 2:

- Địa chỉ thửa đất:.....
-
- Thửa đất số :.....Tờ bản đồ.....Diện tích.....m²
- Mục đích sử dụng :.....

3.3. Thửa đất thứ 3:

- Địa chỉ thửa đất :.....
-
- Thửa đất số :.....Tờ bản đồ.....Diện tích.....m²
- Mục đích sử dụng :.....

4. Thửa đất lựa chọn để xác định diện tích trong hạn mức: (ghi rõ thửa đất thứ mấy nêu tại mục 2 hoặc mục 3).

Tôi xin cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai và lựa chọn thửa đất để xác định diện tích đất ở trong hạn mức xin cấp Giấy CNQSDĐ, chuyển mục đích sử dụng đất của từng lần phát sinh làm cơ sở tính tiền sử dụng đất./.

....., ngày tháng năm 2013

NGƯỜI TỰ KÊ KHAI

(hoặc người đại diện ủy quyền)

QUY CHẾ

Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân tự cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tiền sử dụng đất của từng lần phát sinh khi nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sang đất ở trên địa bàn tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân tự cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với đất đang sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải đất ở sang đất ở.

2. Cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên và môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Nội dung bản cam kết

Theo phụ lục ban hành kèm theo.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM

Điều 4. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân

1. Hộ gia đình, cá nhân khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải đất ở sang đất ở viết 01 bản cam kết kê khai lựa chọn thửa đất ở (theo mẫu) và nộp cùng hồ sơ đề nghị xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất ở tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, thành phố nơi có thửa đất xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất ở.

2. Hộ gia đình, cá nhân có nhiều thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải kê khai tất cả các thửa đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp chưa có thửa đất nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở mà có nhu cầu chuyển sang đất ở nhiều thửa khác nhau thì người sử dụng đất chọn một trong những thửa đất để xác định diện tích trong hạn mức đất ở.

3. Kịp thời phản ánh về các cơ quan chức năng khi phát hiện các hành vi cố tình cản trở, hướng dẫn sai quy định trong quá trình kê khai và xác định nghĩa vụ tài chính làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình, cá nhân và thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Bộ phận một cửa cấp huyện, thành phố hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thành phố có trách nhiệm:

1. Bổ sung thủ tục Bản cam kết kê khai lựa chọn thửa đất ở trong hạn mức để xác định diện tích đất ở trong hạn mức, vượt hạn mức vào hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của từng lần phát sinh khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sang đất ở.

2. Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân kê khai nội dung theo Bản cam kết kê khai lựa chọn thửa đất ở trong hạn mức. Đồng thời kiểm tra lại việc kê khai đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu đúng theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của Chi cục thuế các huyện, thành phố

1. Căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin địa chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Bản cam kết kê khai lựa chọn thửa đất ở trong hạn mức để xác định diện tích đất ở trong hạn mức, Chi cục thuế các huyện, thành phố tính tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở và vượt hạn mức đất ở theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

2. Thời hạn tính thuế và ra thông báo thuế là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

3. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để kịp thời báo cáo về Cục thuế tỉnh Bến Tre để được hướng dẫn.

Điều 7. Trách nhiệm của Cục thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phối hợp để triển khai thực hiện và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc Chi cục thuế các huyện, thành phố, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện đúng các quy định về thu tiền sử dụng đất và các nội dung hướng dẫn của quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Xử lý vi phạm

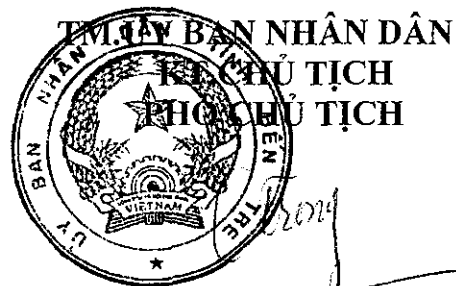
1. Hộ gia đình, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam kết của mình, nếu phát hiện khai báo không đúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thuế có hành vi cản trở hoặc cố ý hướng dẫn, làm sai theo quy định, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước hoặc quyền lợi của người sử dụng đất khi nộp thuế thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ngành tỉnh báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.



Cao Văn Trọng